

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **98/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 11/6/2024

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai và ông Hoàng Văn Mầm.

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Ông Trần Tô Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn G, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn G, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn trình bày như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều L (nguyên đơn) và ông Nguyễn Bá T (bị đơn) tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 28/7/2015 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bị đơn chơi bời, không lo làm ăn dẫn đến nợ nần và không có đóng góp công sức để nuôi dạy các con, vun đắp cho gia đình khiến nguyên đơn phải trả nợ nhiều lần cho bị đơn. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống với bị đơn được nữa nên tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 20/12/2016 và Nguyễn Lan N1, sinh ngày 12/5/2021. Nguyên đơn có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/ tháng/ 1 cháu.

Nếu trường hợp bị đơn không đồng ý thì nguyên đơn có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Lan N1. đến tuổi trưởng thành không đề cập đến vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*** Bị đơn trình bày tại bản tự khai và buổi hòa giải:**

- Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày là đúng.

Trong quá trình chung sống đôi khi vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Nguyên đơn cho rằng bị đơn không làm ra kinh tế và nợ nần là không đúng mà do công việc không được thuận lợi nên bị đơn không làm ra tiền nhưng bản thân luôn có trách nhiệm với gia đình vì vậy không đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 20/12/2016 và Nguyễn Lan N1, sinh ngày 12/5/2021. Trường hợp vợ chồng không thể hòa giải đoàn tụ thì bị đơn có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lan N1 và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều L được ly hôn với ông Nguyễn Bá T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo N cho bà Nguyễn Thị Kiều L; giao cháu Nguyễn Lan N1 cho ông Nguyễn Bá T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buon Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Nguyên đơn và bị đơn qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 28/7/2015 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định là đúng quy định.

Theo nguyên đơn trình bày, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm sống, bị đơn không lo làm ăn cũng như chăm sóc gia đình vì vậy nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng không được bị đơn đồng ý và cho rằng, bị đơn luôn yêu thương và có trách nhiệm với vợ con nhưng do công việc và thu nhập không ổn định nên chưa giúp gì được cho gia đình.

HĐXX nhận thấy, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến không đồng ý của bị đơn như đã trình bày ở trên, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ cũng như tạo điều kiện về thời gian cho các bên hàn gắn nhưng đều không thành; Qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết vợ chồng ông bà có phát sinh mâu thuẫn nhưng cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được vì các bên không yêu cầu hòa giải tại cơ sở. Hơn nữa tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do, không thể hiện thiện chí hàn gắn nên không có căn cứ xem xét mà cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

[4.2] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 20/12/2016 và Nguyễn Lan N1, sinh ngày 12/5/2021, hiện nay cả hai cháu đang ở với nguyên đơn.

Nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 cháu đến tuổi trưởng thành; bị đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lan N1 đến tuổi trưởng thành.

HĐXX nhận thấy, để đảm bảo sự phát triển của trẻ chưa thành niên nên cần giao cháu Nguyễn Lan N1 cho nguyên đơn nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Bảo N cho bị đơn nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật cũng như đạo đức xã hội.

Nguyên đơn và bị đơn đều được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: **Do các đương sự đều có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung nên không chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung mà cần xác định không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng là phù hợp.**

[4.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều L được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Bá T.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 20/12/2016 và Nguyễn Lan N1, sinh ngày 12/5/2021.

Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 20/12/2016 cho ông Nguyễn Bá T; giao cháu Nguyễn Lan N1, sinh ngày 12/5/2021 cho bà Nguyễn Thị Kiều L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Nguyễn Bá T đều được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề cập giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm

ứng theo biên lai thu tiền số: AA/2023/0005049 ngày 29/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS TP. Buôn Ma Thuột;
- Đương sự;
- UBND xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH